

Bản án số: **27/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 30-6-2020

Về việc: “*Ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Quang Thìn**

Bà **Cao Thị My**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đào Thị Quỳnh Nga** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Anh Tuấn** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc “*Ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2020, giữa:

*Nguyên đơn: Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 99, khu phố K, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh B.

*Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 99, khu phố K, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn D chung sống với nhau một cách tự nguyện vào 1993 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2011.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, anh D không lo làm ăn, ham chơi, cờ bạc dẫn đến nợ nần, đất đai, nhà cửa phải cầm cố để trả nợ cờ bạc cho anh D; chị L đã nhiều lần đứng ra trả nợ cờ bạc cho anh D dẫn đến kinh tế khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi cọ nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị L đã nhiều lần khuyên bảo, tha thứ, bỏ qua nhưng anh D không thay đổi. Chị L và

anh D đã sống ly thân nhau được 03 năm. Nay, chị L xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1993, Nguyễn Di P, sinh năm 1995 và Nguyễn Duy N, sinh ngày 20/02/2008. Chị L có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Còn cháu H và cháu P đã trên 18 tuổi nên chị L không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con, trước đây chị L yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Tại phiên tòa chị L xin rút yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cháu N vì chị L đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị L với anh Nguyễn Văn D; giao con chung là cháu Nguyễn Duy N, sinh ngày 20/02/2008 cho chị L trực tiếp, chăm nom nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Đình chỉ việc cấp dưỡng nuôi con do chị L tự nguyện xin rút yêu cầu. Không xem xét về tài sản chung và các vấn đề khác do không có yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Lê Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con với anh Nguyễn Văn D và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, tại phiên tòa chị L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Do bị đơn là anh Nguyễn Văn D cư trú tại khu phố K, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh B., theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao, tổng đạt hợp lệ các Thông báo, Quyết định tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn nhưng bị đơn anh D vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Xét cần áp dụng Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn D là phù hợp.

3. Yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn D chung sống với nhau tự nguyện vào năm 1993 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2011 (*Theo giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 01/2011*). Xét đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhau cho đến nay. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung, anh D ham mê cờ bạc, không tu chí làm ăn dẫn nợ nần, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị L và anh D không tìm cách giải quyết được những mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống nên từ chỗ mâu thuẫn nhỏ dẫn đến mâu thuẫn lớn, từ chỗ ly thân dẫn đến ly hôn. Chị L xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự hết nên cương quyết xin ly hôn với anh D. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh D nhiều lần để hòa giải, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng giữa các bên nhưng anh D không tham gia, chứng tỏ anh D không có thiện chí cùng chị L đoàn tụ gia đình. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn D là phù hợp.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: chị L và anh D có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1993, Nguyễn Di P, sinh năm 1995 và Nguyễn Duy N, sinh ngày 20/02/2008. Do cháu H và cháu P đã trên 18 tuổi nên chị L không có yêu cầu giải quyết.

Chị L có yêu cầu được trực tiếp trong nom nuôi dưỡng cháu N. Xét yêu cầu của chị L là có cơ sở được chấp nhận, bởi lẽ cháu N còn nhỏ, cần có sự quan tâm chăm sóc của mẹ, cháu N cũng có nguyện vọng được sống với mẹ, chị L có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con. Mặc khác, quá trình giải quyết vụ án anh D không tham gia giải quyết vụ án, không có ý kiến gì về việc nuôi con. Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Nguyễn Duy N, sinh ngày 20/02/2008 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị L xin rút yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cháu N vì chị L đủ điều kiện để nuôi con. Xét yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị L về cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Do vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cần đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên xử cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy N, sinh ngày 20/02/2008 cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn chị Lê Thị L tự nguyện rút đơn.

4. Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011460 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THA huyện Đồng Phú;
- UBND Tt. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương

